

Bản án số: 144/2018/HS-ST
Ngày 23-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Cường.

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2018/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2018/HSXXST-HS, ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thanh T; sinh năm 1986 tại Đăk Lăk; Nơi đăng ký HKTT: Số 53 đường L, Khu 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Chỗ ở: Hẻm 101 đường L, làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị X sinh năm 1958; chồng là Nguyễn Minh H, sinh năm 1978 (Đã ly hôn) và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai từ ngày 12/06/2018 cho đến nay (Có mặt).

2. Võ Tùng D (N); sinh năm 1992 tại Gia Lai; Trú tại: Tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Phụ xe; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc K, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: 01 lần. Ngày 30/9/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 7 năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 109/2010/HSST, chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Tổng cục VIII Bộ Công an, ngày 21/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai từ ngày 12/6/2018 đến ngày 21/6/2018 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

*** Người chứng kiến:**

Ông I, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

***Người phiên dịch:** Bà Hyan (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thanh T, Võ Tùng D là những người có sử dụng chất ma túy và có quan hệ quen biết nhau; T biết một đối tượng nữ giới (chưa xác định được họ tên, địa chỉ, ở đường L, thành phố P), là người có bán ma túy. Khoảng 18 giờ ngày 10/6/2018, T đến khu vực đường L, thành phố P tìm gặp đối tượng nữ bán ma túy và mua của người này 01 gói ma túy được gói bằng nilon với giá tiền 1.500.000 đồng, mục đích để sử dụng. Số ma túy mua được, T mang về phòng trọ của mình ở hẻm số 101 đường L, phường T, thành phố P cất giấu và sử dụng. Tối 11/6/2018, T rủ D đến phòng trọ của T để cùng sử dụng ma túy, thì D đồng ý. Khi D đến, T lấy gói ma túy đang cất giấu ra, cho một ít vào dụng cụ sử dụng ma túy, rồi cùng D sử dụng chung; phần ma túy còn lại, T cất giấu trong phòng. Sau khi cùng nhau sử dụng ma túy, D ngủ lại tại phòng trọ của T; việc T cất giấu ma túy trong phòng trọ, D nhìn thấy và biết rõ. Đến 15 giờ 30 phút ngày 12/6/2018, khi T và D đang ở trong phòng trọ của T, thì cả hai bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku phát hiện, bắt quả tang. Cơ quan điều tra thu giữ trong phòng trọ 01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu và ống hút nhựa màu trắng. Ngay sau đó, T tự giác giao nộp 01 gói nilon bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; gói nilon trên được niêm phong theo quy định. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 kèm sim số và 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM1133 kèm sim số.

Qua trung cầu giám định, tại Kết luận giám định số 399/KLGD ngày 20/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,142 gam”*.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 149/CT-VKS ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố Nguyễn Thị Thanh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Võ Tùng D về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T từ 24 (Hai bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng tù;

*Áp dụng khoản 1 Điều 390 và điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Võ Tùng D từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù;

*Về vật chứng của vụ án:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, 02 điện thoại thu giữ trong quá trình điều tra. Tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu và ống hút nhựa màu trắng và 01 bì công văn ghi số 399/PC54 ngày 20/6/2018, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai.

Trước khi HĐXX nghị án các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T: Trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã nhận ra sai lầm, rất ăn năn hối cải, xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ tội cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Võ Tùng D: Bị cáo biết mình phạm tội, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo, để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Tối ngày 11/6/2018, tại phòng trọ của Nguyễn Thị Thanh T ở hẻm số 101 đường L, làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, T và Võ Tùng D đã cùng nhau sử dụng chất ma túy loại Methamphetamine. Đến 15 giờ 30 phút ngày 12/6/2018, khi T đang cất giấu 1,142 gam chất ma túy loại Methamphetamine tại phòng trọ của mình, với mục đích để sử dụng, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng. Quá trình sử dụng ma túy chung với Nguyễn Thị Thanh T và ngủ lại phòng trọ của T, Võ Tùng D thấy và biết rõ T cất giấu số ma túy trên, nhưng không tố giác đến cơ quan chức năng, để xử lý theo quy định của pháp luật; sau đó D cũng bị bắt quả tang cùng với T.

[2] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T mua, cất giấu 1,142 gam chất ma túy loại Methamphetamine là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các loại chất ma túy, nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Tệ nạn ma túy là một hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe của con người, làm suy thoái nòi giống dân

tộc, làm băng hoại đạo đức và phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nên Nhà nước có chính sách quản lý, kiểm soát chặt chẽ, nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được tác hại của tệ nạn ma túy, nhưng để thỏa mãn nhu cầu không lành mạnh của bản thân, đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi cất giấu chất ma túy để sử dụng. Do đó hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chịu sự chế tài của pháp luật hình sự, theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Hành vi của Võ Tùng D biết rõ Nguyễn Thị Thanh T đang cất giấu chất ma túy trong phòng trọ, có đủ thời gian và điều kiện để tố giác nhưng không tố giác đến cơ quan chức năng là nguy hiểm cho xã hội, tạo điều kiện cho người phạm tội trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật, xâm phạm đến hoạt động điều tra, xử lý tội phạm đã phạm vào tội không tố giác tội phạm theo Khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] Để có một hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội đối với từng bị cáo, HĐXX nhận định: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ *thành khẩn khai báo*, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Võ Tùng D là người có nhân thân không tốt, đã có một tiền án về tội Trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này xác định là tái phạm và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Để đấu tranh và phòng ngừa với các tội phạm về ma túy, xét thấy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với hành vi rủ và cho Võ Tùng D cùng sử dụng chất ma túy loại Methamphetamine tại phòng trọ của Nguyễn Thị Thanh T, xác định T và D đều là người có sử dụng ma túy và có quen biết nhau. T có ma túy và cho D cùng sử dụng chung với mình. Do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Đối với đối tượng nữ giới ở đường L, thành phố P mà bị cáo T khai đã bán ma túy cho T vào ngày 10/6/2018, nhưng T không biết họ tên, địa chỉ của đối tượng này, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến

500.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” nên bị cáo T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với các điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Thị Thanh T là tài sản của T, không có căn cứ xác định các điện thoại này có liên quan đến hành vi mua và cất giấu chất ma túy do T thực hiện, nên trả lại cho bị cáo.

Đối với chai nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu và ống hút nhựa màu trắng, là dụng cụ T và Võ Tùng D dùng để sử dụng chất ma túy loại Methamphetamine không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định trong 01 bì công văn ghi số 399/PC54 ngày 20/6/2018, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, cần tịch thu tiêu hủy

[6] Về tiền án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T** phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**; bị cáo **Võ Tùng D** phạm tội **“Không tố giác tội phạm”**.

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T** - 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (12/6/2018).

- Áp dụng Khoản 1 Điều 390; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Võ Tùng D** - 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/6/2018 đến ngày 21/6/2018.

- Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 kèm sim và 01 điện thoại Nokia RM1133 kèm sim.

+ Tịch thu tiêu hủy:

01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu và ống hút nhựa màu trắng.

01 (một) phong bì niêm phong số 399/PC54 ngày 20/6/2018, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pleiku, ngày 04/10/2018)

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và Võ Tùng D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Công an thành phố Pleiku;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Tiến